

Số: 95 /TB-VC1-DS

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM

Về vi phạm trong việc giải quyết vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản, tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

Thông qua công tác kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản, tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa: Nguyên đơn – bà Chủ Thị H, với Bị đơn – ông Chủ Văn H4, bà Vũ Thị U và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Chủ Văn V, ông Chủ Mạnh H1, ông Chủ Văn H2, bà Chủ Thị H3, cụ Trần Thị R, chị Chủ Thị Y, chị Chủ Phương T, UBND huyện K, tỉnh H;

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc áp dụng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Nguyên đơn, cần thông báo để rút kinh nghiệm.

1. Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm

Cụ ông Chủ Văn C và cụ bà Trần Thị R sinh được 6 người con gồm: ông Chủ Văn V, bà Chủ Thị H, ông Chủ Mạnh H1, ông Chủ Văn H2, bà Chủ Thị H3, và ông Chủ Văn H4. Năm 1954, cụ C và cụ R có mua được mảnh đất diện tích 934m² tại xóm T, thôn B, xã K, huyện K (theo Sổ mục kê lập năm 1985 là thửa đất 291 và 292 tờ bản đồ số 8). Năm 1976, cụ C chết không để lại di chúc.

Năm 1991, cụ R cùng 6 con đã thống nhất tặng cho bà H3 khoảng 300 m² đất trong số diện tích đất chung của cụ R và cụ C. Bà H3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN QSD đất). Năm 1989 ông Chủ Văn H4 và bà Vũ Thị U đăng ký kết hôn và sinh sống tại phần còn lại của thửa đất trên với cụ R.

Năm 1996, ông Chủ Văn H4 được UBND huyện K cấp GCN QSD đất đối với thửa đất nêu trên (thửa số 103, 104 tờ bản đồ số 10 tổng diện tích 685m² gồm 200m² đất ở, 96m² đất trồng cây lâu năm, 62m² đất vườn thừa, 327m² đất ao)

Ngày 30/3/2011, ông H4 và bà U được UBND huyện K cấp GCNQSD quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất với tổng diện tích là 762 m² đối với thửa đất nêu trên (thửa số 13 tờ bản đồ 24). Năm 2011, ông H4 và bà U chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Ngọc Q và bà Lương Thị TH diện tích 112m²; ông Lưu Quang T và bà Lương Thị HA diện tích 110m².

Ông Q, bà TH và ông T, bà HA đều đã được cấp GCN QSD đất. Năm 2013, ông H4, bà U tặng cho cụ Trần Thị R (mẹ đẻ của ông H4) 187m² đất của thửa đất. Sau khi hoàn thành thủ tục tặng cho, cụ R được cấp GCN QSD đất đối với diện tích tặng cho (thửa số 75 tờ bản đồ 26, diện tích 187 m²); ông H4, bà U được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích 353m² đất còn lại sau tặng cho (thửa số 13 tờ bản đồ 26).

Năm 2015, ông H4 và bà U ly hôn. Khi đó ông bà tự thỏa thuận phân chia tài sản, không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết. Ông H4 và bà U có một văn bản thỏa thuận chia đôi nhà và đất. Phần diện tích của ông H4 thì ông H4 sẽ cho hai con gái là chị Chủ Thuận Y và chị Chủ Phương T. Văn bản này có chứng thực chữ ký của Chủ tịch UBND thị trấn P.

Nguyên đơn - bà Chủ Thị H khởi kiện cho rằng: Sau khi ông H4, bà U chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Ngọc Q, bà Lương Thị TH và ông Lưu Quang T, bà Lương Thị HA thì phần đất còn lại là 540 m² và đây là tài sản chung của cụ R và cụ C, chia đôi mỗi cụ được 270m². Nên di sản của cụ C sẽ là 270m². Cụ R sau đó đã được tách 187m² còn 83m² là nằm trong phần đất hiện nay ông H4, bà U đã được cấp GCN QSD đất 353m².

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định 83m² và ngôi nhà mái bằng 1 tầng trong diện tích đất 353m² do bà U đang quản lý là tài sản riêng của cụ R. Chia di sản thừa kế của cụ C là 270m² đất theo hướng giao toàn bộ quyền sử dụng đất cho cụ R, cụ R sẽ trả giá trị cho các đồng thừa kế khác. Các công trình, vật kiến trúc do vợ chồng ông H4 tạo dựng sẽ được cụ R thanh toán bằng tiền cho vợ chồng ông H4. Hủy GCN QSD đất mang tên ông Chủ Văn H4 và bà Vũ Thị U do UBND huyện K cấp.

Bị đơn - ông H4 và bà U xác định: Diện tích đất 353m² đang tranh chấp có nguồn gốc là của cụ C và cụ R, nhưng sau khi cụ C chết, cụ R và các anh chị em ruột của ông đã đồng ý tặng cho vợ chồng ông trên thực tế. Vì anh em gia đình đã thống nhất thỏa thuận và vợ chồng ông cũng đồng ý nên đã làm thủ tục tặng cho lại cụ R 187m² và mọi người đã xây nhà thờ họ trên đất và vợ chồng ông đã xây nhà kiên cố trên diện tích đất tranh chấp.

Ngày 12/4/2021, bà U có đơn phản tố đề nghị Tòa án xác định thửa đất số 13 diện tích 353m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà và ông H4. Khi cụ R và anh chị em ông H4 xây nhà thờ đã xây lấn sang đất của bà và ông H4. Do nhà thờ đã xây kiên cố, bà U yêu cầu cụ R và các anh chị em ông H4 phải trả bằng diện tích đất tại vị trí công đi vào đất nhà bà U có chiều ngang giáp đường

xóm 1,5 m kéo dài đến thửa đất của bà đang sử dụng, phần diện tích còn lại bà tự nguyện không yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc chia thừa kế tài sản của cụ Chử Văn C và xác định tài sản của cụ Trần Thị R là quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 26, diện tích 353m² và ngôi nhà mái bằng một tầng trên đất tại thị trấn P, huyện K, tỉnh H; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ349110 do UBND huyện K cấp ngày 30/9/2013 cho ông Chử Văn H4 và bà Vũ Thị U.

Xác định thửa đất số 13, tờ bản đồ số 26, diện tích 353m² tại thị trấn P, huyện K, tỉnh H và ngôi nhà mái bằng một tầng, các công trình vật kiến trúc và cây trồng trên đất là tài sản thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Chử Văn H4 và bà Vũ Thị U.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị U: Buộc ông Chử Văn V, ông Chử Mạnh H1, ông Chử Văn H2, bà Chử Thị H3, ông Chử Văn H4 và bà Chử Thị H là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Trần Thị R phải trả lại cho bà Vũ Thị U và ông Chử Văn H4 17,4 m² đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26 thị trấn P, huyện K, tỉnh H được giới hạn bởi các điểm từ D1, D,A9,A8,A7 đến D1 trên sơ đồ kèm theo Bản án. Ông Chử Văn V, ông Chử Mạnh H1, ông Chử Văn H2, bà Chử Thị H3, ông Chử Văn H4 và bà Chử Thị H có trách nhiệm tự tháo dỡ các công trình, vật kiến trúc và cây trồng nằm trên diện tích đất này. Ranh giới giữa thửa đất số 13 và thửa đất số 76 tờ bản đồ số 26 tại thị trấn P, huyện K, tỉnh H được xác định bởi các đoạn thẳng nối các điểm từ A4,C3,C2,C1,C,A5,A6,D1 đến D trên sơ đồ kèm theo Bản án. Quyền sử dụng thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26 mang tên cụ Trần Thị R bị hạn chế bởi một phần mái bê tông của nhà ở mái bằng thuộc quyền sở hữu của ông Chử Văn H4 và bà Vũ Thị U.

2. Vi phạm cần rút kinh nghiệm:

Cụ Chử Văn C chết năm 1976, khi chết không để lại di chúc. Cụ Trần Thị R chết ngày 27/5/2021, khi chết không để lại di chúc (cụ R chết khi vụ án đang được thụ lý giải quyết). Về diện tích đất tranh chấp: Các bên đương sự đều xác nhận có nguồn gốc của cụ C, cụ R mua từ năm 1954. Năm 1991, cụ R cùng với 6 người con thống nhất tặng bà Chử Thị H3 300m². Bà H3 đã được cấp GCNQSDĐ, phần diện tích còn lại cụ R sử dụng.



Cụ C chết năm 1976, thời điểm mở thừa kế của cụ C là năm 1976. Thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với QSD đất của cụ C là 30 năm kể từ ngày 10/9/1990 (ngày Pháp lệnh thừa kế năm 1990 có hiệu lực); của cụ R là 30 năm kể từ ngày cụ R chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ C là cụ R và 6 người con.

Đối với phần diện tích đất 300 m² cụ R và tất cả các đồng thừa kế khác của cụ C thừa nhận đã tặng cho bà H3, bà H3 đã được cấp GCN QSD đất. Việc tặng cho này được quyết định bởi các đồng thừa kế là phù hợp quy định của pháp luật nên diện tích đất 300 m² đã tặng cho bà H3 không còn trong là di sản thừa kế còn lại của cụ C.

Năm 1994, ông H4 đứng tên chủ sở hữu đất tại sổ mục kê và bản đồ địa chính. Ông H4 cho rằng được gia đình tặng cho toàn bộ diện tích còn lại là 685 m². Tuy nhiên không có tài liệu nào thể hiện việc tặng cho này, phía nguyên đơn và cụ R không thừa nhận và xảy ra tranh chấp. Năm 1996, ông H4 được cấp GCN QSD đất.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H4 có bản tự khai với nội dung: bản thân ông không có đơn xin cấp bìa và cụ R cũng không ký tá giấy tờ thủ tục gì mà mọi việc do địa chính và cán bộ thôn làm thủ tục cấp bìa cho toàn dân trong xã căn cứ vào diện tích có của các hộ. Ngày 22/5/2020, ông H4 khẳng định lại điều này: “Lúc đó tôi không có đơn xin cấp bìa mà do địa phương làm thủ tục cấp cho tôi”.

Như vậy, không có căn cứ xác định cụ R và các đồng thừa kế của cụ C đã tặng cho ông H4 toàn bộ diện tích đất còn lại của cụ C sau khi đã tặng cho bà H3 300m² đất. Trên thực tế, cụ R và vợ chồng ông H4 vẫn ở chung, sử dụng chung diện tích nhà đất này. Việc ông H4 đứng tên tại sổ mục kê và sổ địa chính năm 1994 đối với toàn bộ diện tích đất còn lại khi không có bất kỳ tài liệu nào thể hiện các đồng thừa kế của cụ C đồng ý tặng cho ông H4 như đối với việc tặng cho bà H3 là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật.

Lẽ ra cần xác định diện tích đất còn lại thuộc di sản thừa kế của cụ C là bao nhiêu m² để chia thừa kế thì Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định: Di sản thừa kế của cụ C đã được các đồng thừa kế tặng cho ông H4 để không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của phía Nguyên đơn là không có căn cứ thuyết phục.

Đối với diện tích đất thuộc QSD đất của cụ R, việc cụ R đồng ý để gia đình ông H4 sử dụng và đồng ý nhận tặng cho lại từ gia đình ông H4 diện tích đất 187 m² để xây dựng nhà thờ, chứng tỏ trước đó cụ R đã định đoạt phần QSD đất của mình cho gia đình ông H4.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của Nguyên đơn là sai lầm trong áp dụng pháp luật, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được vì khi chia thừa kế cần phải tính toán, xem xét nhiều vấn đề về xác định phần di sản chưa chia, giá trị di sản, chia giá trị, chia hiện vật, công sức giữ gìn tôn tạo, bảo quản di sản. Mặt khác, nếu cấp phúc thẩm thực hiện chia ngay thì mất quyền kháng cáo của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/5/2023, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đã đề nghị, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

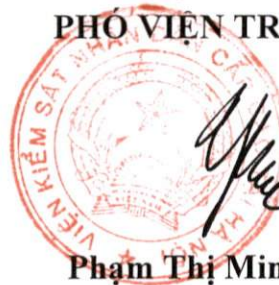
Khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm và kiểm sát Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 22/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H không phát hiện các vi phạm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh H nên không kháng nghị phúc thẩm hoặc báo cáo đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị phúc thẩm là thiếu sót.

Vậy, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo để các đơn vị trong Ngành tham khảo, rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án tranh chấp dân sự về thừa kế liên quan đến quyền sử dụng đất./ *ce*

Nơi nhận:

- VKSND 28 tỉnh, TP Khu vực phía Bắc;
- VC2, VC3;
- Vụ 9, Vụ 14, VP VKSNDTC;
- Viện 1,2,3, VP VC1;
- Lãnh đạo VC1;
- Lưu: VT,V4, HSKS.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Phạm Thị Minh Yến

CAO TÀI HÀ